

**DỰ THẢO**

Thuận An, ngày tháng 03 năm 2020

# **BÁO CÁO**

## **THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

### **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

#### **A. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

##### **1. Thông tin Công ty:**

- Tên tiếng Việt : **Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**
- Tên tiếng Anh: **Binh Duong Mineral and Construction Joint Stock Company**
- Viết tắt : **BIMICO**
- Trụ sở chính : Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khu phố Hoà Lân I, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84.0274) 3822.602
- Fax : (84.0274) 3823.922
- Email : info@bimico.com.vn
- Website : www.bimico.com.vn
- Mã số doanh nghiệp: 3700148825
- Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương – Phòng Đăng ký kinh doanh cấp ngày 27/04/2006 và lần gần nhất (Lần thứ 18) là ngày 04/03/2020.

##### **2. Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2019 : 537.798.820.000 đ**

##### **3. Cơ cấu cổ đông:** Chốt đến ngày 20/03/2020, cơ cấu cổ đông như sau:

<b>Diễn giải</b>	<b>Số lượng cổ đông</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>1- Cổ đông trong nước</b>	<b>2.845</b>	<b>47.935.653</b>	<b>89,13</b>
1.1- Cá nhân	2.801	31.933.553	59,38
1.2- Tổ chức	44	16.002.100	29,75
<b>2- Cổ đông nước ngoài</b>	<b>75</b>	<b>5.844.229</b>	<b>10,87</b>
2.1- Cá nhân	48	656.093	1,22
2.2- Tổ chức	27	5.188.136	9,65
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.920</b>	<b>53.779.882</b>	<b>100</b>
- Cá nhân	2.849	32.589.646	60,60
- Tổ chức	71	21.190.236	39,40

**B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

**I. KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN:**

Stt	Tên mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng nguyên khối (m <sup>3</sup> )		Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019		
			Cấp phép	Còn lại	Khai thác (m <sup>3</sup> )	Doanh thu (Đồng)	Lợi nhuận (đồng)
<b>I</b>	<b>CÁC MỎ ĐÁ:</b>	<b>125</b>	<b>47.390.905</b>	<b>31.217.137</b>	<b>5.519.902</b>	<b>885.141.636.732</b>	<b>291.141.042.570</b>
1	<b>Mỏ đá Tân Đông Hiệp</b> (Giấy phép số 81/GP-UBND ngày 04/09/2018).	23	4.683.716	1.471.498	2.279.197	408.688.240.069	163.005.627.825
2	<b>Mỏ đá Phước Vĩnh</b> (Giấy phép số 137/GP-UBND ngày 13/07/2017)	30	10.627.089	2.919.261	1.735.871	284.539.517.266	78.986.384.727
3	<b>Mỏ đá Tân Mỹ</b> (Giấy phép số 134/GP-UBND ngày 28/08/2015).	41	22.326.387	17.832.073	1.095.687	123.418.343.911	37.746.889.300
4	<b>Mỏ đá Thiện Tân 7 (HTX Thăng Long)</b> (Giấy phép số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016)	12	5.290.504	4.548.053	409.147	67.528.522.272	12.511.215.962
5	<b>Mỏ đá núi Bãi Giang Nghệ An</b> (Giấy phép số 3601/GP-UBND ngày 16/08/2013)	20	4.463.209	4.446.252		967.013.214	(1.109.075.244)
<b>II</b>	<b>MỎ SÉT PHƯỚC HÒA</b> (Giấy phép số 162/GP-UBND ngày 29/09/2015).	<b>12</b>	<b>1.488.532</b>	<b>1.098.358</b>	<b>200.460</b>	<b>18.319.927.149</b>	<b>5.390.050.419</b>
<b>III</b>	<b>CÁC MỎ CAO LẠNH:</b>	<b>88</b>	<b>9.172.101</b>	<b>7.694.883</b>	<b>46.460</b>	<b>23.850.397.436</b>	<b>830.152.844</b>
1	<b>Mỏ cao lanh Tân Lập</b> (Giấy phép số 2453/QĐ-ĐCKS ngày 19/10/1999).	24	1.248.016	-		11.996.640.728	464.071.040
2	<b>Mỏ cao lanh Minh Long</b> (Giấy phép số 386/GP-BTNMT ngày 07/03/2011).	64	7.924.085	7.694.883	46.460	11.853.756.708	366.081.804
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>927.311.961.317</b>	<b>297.361.245.833</b>

## II. SẢN XUẤT CÔNG BÊ TÔNG:

Stt	Tên đơn vị	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019			
		Đvt	Thực hiện	Doanh thu (Đồng)	Lợi nhuận (đồng)
1	Xí nghiệp SX Công Bê tông	Mét	80.180	44.854.950.538	4.296.641.601

## III. CÔNG TY TNHH KSB IDC (KCN) VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC:

1	Công tác đền bù mở rộng:	Đvt	Khu A	Khu B	Cộng
1.1	Tổng diện tích mở rộng	m <sup>2</sup>	844.900	451.903	1.296.803
	Đã đền bù	m <sup>2</sup>	743.397,70	365.982,70	1.109.380,40
	Còn phải đền bù	m <sup>2</sup>	98.153,60	90.969,10	189.122,70
	Tiến độ đã đền bù	%	88%	81%	86%
1.2	Số tiền	đồng	282.243.659.637	217.933.700.996	500.177.360.633
	Đã thanh toán	đồng	247.904.096.925	144.406.637.308	392.310.734.233
	Còn phải thanh toán	đồng	34.339.562.712	73.527.063.688	107.866.626.400
	Tiến độ tiền đã đền bù	%	88%	66%	78%
2	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019		Thực hiện	Doanh thu (Đồng)	Lợi nhuận (đồng)
	Công ty TNHH KSB IDC và các hoạt động khác	ha	45,5	394.610.375.010	113.516.998.276

### ❖ Tổng hợp kết quả SXKD năm 2019:

+ Doanh thu	: 1.366.777.286.865 đồng đạt 98% Kế hoạch.
+ Lợi nhuận trước thuế	: 415.174.885.710 đồng đạt 104% Kế hoạch.
+ Lợi nhuận sau thuế	: 330.134.586.453 đồng đạt 103% Kế hoạch.

## IV. Tổng hợp vốn và nguồn vốn:

Đvt : Đồng

1. Tổng tài sản	3.959.325.516.662
- Tài sản ngắn hạn	2.352.944.694.240
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	139.584.504.601
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.008.008.168.593
+ Sản phẩm hàng hóa tồn kho	108.335.465.207
+ Tài sản ngắn hạn khác	97.016.555.839
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn	-
- Tài sản dài hạn	1.606.380.822.422
+ Các khoản phải thu dài hạn	206.347.111.273
+ Tài sản cố định	164.603.027.775
+ Bất động sản đầu tư	143.452.914.530
+ Tài sản dở dang dài hạn	731.448.600.933
+ Tài sản dài hạn khác	316.075.052.915
+ Đầu tư tài chính dài hạn	44.454.114.996
2. Tổng nguồn vốn	3.959.325.516.662

- <b>Nợ phải trả</b>	<b>2.669.982.460.233</b>
+ Nợ ngắn hạn	1.656.678.520.304
+ Nợ dài hạn	1.013.303.939.929
- <b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.289.343.056.429</b>
+ Vốn góp của chủ sở hữu	537.798.820.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.658.500
+ Cổ phiếu quỹ	-2.331.000.000
+ Quỹ đầu tư phát triển	111.350.688.702
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	642.522.889.227
+ Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-

**3. Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm ngày 31/12/2019: 24.079 đ/cổ phiếu.**

**4. Căn cứ báo cáo các số liệu trên là:**

- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Kết quả kiểm kê định kỳ thời điểm 01/01/2020.

#### **V. ĐẤT ĐAI:**

- Tính đến 31/12/2019 tổng quỹ đất của Công ty mẹ là **257,35 ha**, cụ thể tại các đơn vị đang quản lý và sử dụng như sau:

Stt	Nội dung	Diện tích đất (ha)		
		Mỏ	Mặt bằng	Cộng
1	XN Tân Đông Hiệp	22,82	8,37	31,19
2	XN Phước Vĩnh	29,45	26,22	55,67
3	Mỏ Tam Lập		16,3	16,3
4	XN Tân Mỹ, bến thủy Tân Mỹ, (Không tính đường chung 2 Cty ra Bến thủy diện tích 4,02ha)	36,34	14,16	50,5
5	Mỏ Thiện Tân 7	5,76	3,51	9,27
6	Mỏ đá núi Bãi Giang	19,93	5,25	25,18
7	XN Cao lạnh Tân Thành		4,16	4,16
8	Mỏ Tân Lập	15,71	2,83	18,54
9	Cty Minh Long KSB	14,46	0,41	14,87
10	XN KT Sét Phước Hòa	18,29	6,61	24,9
11	NM gạch Bình Phú		4,35	4,35
12	Nhà ở công nhân		0,61	0,61
13	Văn phòng Công ty		1,81	1,81

#### **VI. ĐẦU TƯ PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH MỎ:**

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2019 (đồng)
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị:</b>	<b>19.319.412.133</b>
1	- Đầu tư mới	6.037.381.890
2	- Sửa chữa máy móc, thiết bị	13.282.030.243

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2019 (đồng)
<b>II</b>	<b>Xây dựng cơ bản:</b>	<b>3.420.722.945</b>
<b>III</b>	<b>Công tác mỏ khoáng sản, đất đai</b>	<b>86.677.275.707</b>
1	- Đặt cọc nhận chuyển nhượng 23,7 ha khu vực xã Tam Lập, huyện Phú Giáo.	34.146.336.000
2	- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	40.748.908.200
3	- Bóc đất tăng phủ	11.782.031.507

❖ **Tổng giá trị đã đầu tư trong năm 2019 là** : 189.407.894.785 đồng  
Trong đó:  
- Đã thanh toán : 109.417.410.785 đồng  
- Chuyển tiếp năm 2020 : 79.990.484.000 đồng

## **VII. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:**

Đề nhận chuyển nhượng các mỏ khoáng sản, Công ty ủy thác đầu tư tài chính với số tiền: **1.311.620.000.000 đồng.**

## **VIII. THỰC HIỆN NGHĨA VỤ XÃ HỘI:**

Từ hiệu quả hoạt động SXKD, trong năm 2019 Công ty đã hỗ trợ các địa phương và người dân bị ảnh hưởng do hoạt động sản xuất của Công ty thông qua các hình thức: Ủng hộ bằng tiền, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vật liệu, khám sức khỏe, trao học bổng, phát quà,...với tổng số tiền là: **9.877.898.974 đồng.**

## **IX. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT:**

**1.** Năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn: Thị trường bất động sản chững lại, công tác đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng chậm tiến độ đã ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các sản phẩm của Công ty: Đá xây dựng, cống bê tông, cao lanh, sét gạch ngói.

Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo đã linh hoạt trong điều hành cùng với tinh thần đoàn kết vượt khó của tập thể người lao động, các chỉ tiêu chính như doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế đều đạt kế hoạch đề ra.

### **2. Một số tồn tại:**

- Nhiệm vụ mở mới mỏ đá xây dựng để cân bằng sản lượng khi mỏ Tân Đông Hiệp hết hạn khai thác (31/12/2019) không theo đúng tiến độ sẽ ảnh hưởng đến sản lượng kế hoạch năm 2020.
- Một số đơn vị có hiệu quả thấp (Công ty Cao lanh Minh Long) hoặc chậm đưa vào sản xuất (Mỏ đá núi Bãi Giang – Công ty Huệ Minh, Nghệ An) đã ảnh hưởng đến hiệu quả chung.
- Sản phẩm tồn kho nhiều trong những ngày cuối năm đã làm giảm năng suất sản xuất ở một số đơn vị: XN Tân Đông Hiệp, HTX Thăng Long, cao lanh lọc Minh Long,...

## C. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

### I. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH:

Stt	Lĩnh vực sản xuất	Đvt	Kế hoạch năm 2020		
			Sản lượng	Doanh thu (đồng)	Lợi nhuận (đồng)
1	Khai thác đá hộc	m <sup>3</sup>	4.984.300	873.500.000.000	289.100.000.000
2	Khai thác cao lanh	m <sup>3</sup>	51.000	31.200.000.000	2.700.000.000
3	Khai thác sét	m <sup>3</sup>	240.000	21.800.000.000	6.800.000.000
4	Sản xuất cống Bê tông	mét	75.000	35.200.000.000	3.200.000.000
5	Cho thuê đất KCN (Công ty KSB IDC)	ha	45	473.800.000.000	121.800.000.000
6	Doanh thu tài chính và các hoạt động khác			40.900.000.000	(23.600.000.000)
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.476.400.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>

#### ❖ Tổng hợp kế hoạch năm 2020

+ Doanh thu	: 1.476.400.000.000 đồng.
+ Lợi nhuận trước thuế	: 400.000.000.000 đồng.
+ Lợi nhuận sau thuế	: 320.000.000.000 đồng.

### II. ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SXKD:

#### 1. Đầu tư mở rộng, phục vụ sản xuất kinh doanh:

Stt	Nội dung	Số tiền (Đồng)
<b>1</b>	<b>Máy móc thiết bị:</b>	<b>39.135.431.653</b>
1.1	Mua sắm mới	10.206.000.000
1.2	Sửa chữa, thay thế	28.929.431.653
<b>2</b>	<b>Công tác mở</b> (Trong đó tiền cấp quyền khai thác là: 11.996.479.958 đồng)	<b>34.496.479.958</b>
<b>3</b>	<b>Đền bù đất đai</b>	<b>129.256.500.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>202.888.411.611</b>

**2. Chuyển tiếp từ năm 2019 : 79.990.484.000 đồng**

**❖ Tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2020 (1 + 2) : 282.878.895.611 đồng**

#### ❖ Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
- Nguồn vốn vay từ ngân hàng thương mại.

Trong quá trình thực hiện sẽ xem xét cụ thể và quyết định theo từng dự án.

**3. Dự án mở rộng đất kinh doanh và xây dựng cơ sở hạ tầng tại Công ty KSB IDC: 1.088.764.647.296 đồng**

Stt	Nội dung	Diện tích (ha)	Giá trị (đồng)
1	Chi phí đền bù mở rộng phần còn lại GĐ1	13,35	107.866.626.400

Stt	Nội dung	Diện tích (ha)	Giá trị (đồng)
2	Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng GD2	212,32	127.808.541.896
3	Chi phí đền bù giải tỏa GD2	100	808.000.000.000
4	Chi phí đầu tư phục vụ xử lý nước thải GD2		40.490.000.000
5	Đầu tư về quản trị doanh nghiệp		430.000.000
6	Đầu tư sửa chữa hạ tầng KCN		4.169.479.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.088.764.647.296</b>

Thực hiện quy hoạch mở rộng KCN lên 553 ha theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

### III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác mỏ đá Tam lập (Diện tích thỏa thuận hoán đổi với Công ty Thanh Lễ) quy mô 18,55 ha.
2. Xin cấp giấy phép khai thác mở rộng mỏ sét gạch ngói Bồ Lá lên 33 ha (Đã có Quy hoạch).
3. Đưa vào quy hoạch khai thác đến coste -150m tại khu vực mỏ đá Tân Mỹ và đến coste -100m tại khu vực mỏ đá Phú Giáo.
4. Xử lý nhanh chóng, kịp thời những bất cập về thị trường, công nợ, chất lượng sản phẩm để sản xuất được liên tục trong điều kiện đảm bảo an toàn lao động cho người và tài sản.
5. Xác định lại toàn bộ quỹ đất của Công ty, sử dụng có hiệu quả diện tích đất đã đền bù nhưng chưa đưa vào khai thác khoáng sản cũng như các khu vực đã khai thác xong khoáng sản, không để bị lấn chiếm, tranh chấp.
6. Tổ chức sắp xếp lại nhân sự từ phòng ban đến các đơn vị sản xuất cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh thời điểm hiện nay, theo phương châm: Gọn, nhẹ, có hiệu lực, tiết kiệm chi phí; hạ giá thành hàng hóa, dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.
7. Thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật trong sản xuất kinh doanh và các cam kết về môi trường, DTM đã được phê duyệt.
8. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị và điều hành sản xuất theo hướng thuận lợi nhất, giảm bớt quy định không cần thiết, rút ngắn thời gian xử lý công việc tạo điều kiện cho đơn vị sản xuất.

Trên đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, Ban điều hành kính trình Đại hội Đồng Cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. BAN ĐIỀU HÀNH**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHAN TẤN ĐẠT**